

UBND TỈNH QUẢNG NINH
VĂN PHÒNG UBND

Số: 222/VPUBND-XD1
V/v thông báo văn bản mới ban hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư vừa ban hành Quyết định số 1392/QĐ-BKHĐT ngày 09/8/2022 công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (gửi kèm theo văn bản).

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo để các sở, ngành, đơn vị liên quan biết, tra cứu, thực hiện và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung thuộc thẩm quyền đảm bảo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, P1 UBND tỉnh (báo cáo);
- V0, V1, QH2-3, XD3-6, TM;
- Lưu: VT, XD1.
XD05-CV352

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Huy Thắng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1392/QĐ-BKHTT

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 778/QĐ-BKHTT ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thủ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở KH&ĐT, BQL khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- TTTH (để đưa tin, cập nhật lên Cổng TTĐT của Bộ);
- Lưu: VT, VP (KSTH) M12



Nguyễn Thị Bích Ngọc



DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

THI QUỐC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1392/QĐ-BKHTT ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Số	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hằng tháng	Hằng quý	6 tháng	Hằng năm	Khác	
I Đầu tư tại Việt Nam, Đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài, Xúc tiến đầu tư									
1	Báo cáo về tình hình thực hiện dự án đầu tư	Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam	- Cơ quan đăng ký đầu tư - Cục Thống kê tinh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký đầu tư		X		X		- Điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Khoản 1, khoản 2 Điều 102 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
2	Báo cáo về tình hình tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của các dự án đầu tư	Cơ quan đăng ký đầu tư	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		X		X		- Điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm a khoản 1 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
3	Báo cáo đánh giá tình hình đầu tư cả năm, dự kiến kế hoạch thu hút và giải ngân vốn đầu tư của năm sau, danh mục dự án đầu tư đang có nhà đầu tư quan tâm	Cơ quan đăng ký đầu tư	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				X		- Điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm b khoản 1 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Số thứ tự	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
4	Báo cáo về tình hình đầu tư trên địa bàn	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X		X		Điểm c khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020
5	Báo cáo đánh giá về tình hình tiếp nhận hồ sơ, cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X		X		- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Khoản 2 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
6	Báo cáo đánh giá tình hình đầu tư cả năm, dự kiến kế hoạch thu hút và giải ngân vốn đầu tư của năm sau, danh mục dự án đầu tư đang có nhà đầu tư quan tâm thuộc phạm vi quản lý	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Khoản 2 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
7	Báo cáo tình hình cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị tương đương khác đối với doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X				- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm a khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
8	Báo cáo các chỉ tiêu về tình hình xuất, nhập khẩu, tình hình tài chính, các khoản nộp ngân sách nhà nước của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm a khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hằng tháng	Hằng quý	6 tháng	Hằng năm	Khác	
9	Báo cáo về tình hình cấp, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động và kết quả hoạt động của các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X				- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 Điểm b khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
10	Báo cáo về tình hình cấp, điều chỉnh, chấm dứt và kết quả hoạt động đối với các chi nhánh và công ty luật	Bộ Tư pháp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X				- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm c khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
11	Báo cáo về tình hình cấp, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động và kết quả hoạt động đối với các hiện diện thương mại của các công ty tài chính và tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X				- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
12	Báo cáo về tình hình đăng ký, cấp phép cho lao động nước ngoài tại tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm đ khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hằng tháng	Hằng quý	6 tháng	Hằng năm	Khác	
13	Báo cáo về tình hình chuyển giao công nghệ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm e khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
14	Báo cáo tình hình giao, cho thuê và sử dụng đất của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài nguyên và Môi trường				X		- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm g khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
15	Báo cáo của cơ quan đại diện chủ sở hữu	Cơ quan đại diện chủ sở hữu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Khoản 1, khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 3 Điều 71 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
16	Báo cáo về tình hình thực hiện nghĩa vụ về tài chính của các nhà đầu tư đối với Nhà nước Việt Nam; tổng hợp, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài và tình hình quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm c khoản 2 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hằng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
17	Báo cáo về tình hình chuyển ngoại tệ từ Việt Nam ra nước ngoài (trước và sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) và tình hình chuyển ngoại tệ từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến các dự án đầu tư ra nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 3 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
18	Báo cáo về tình hình hỗ trợ của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đối với hoạt động đầu tư của Việt Nam tại quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư	Bộ Ngoại giao	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 4 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
19	Báo cáo về tình hình đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp và năng lượng	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm c khoản 5 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
20	Báo cáo về tình hình đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc tại các dự án đầu tư ở nước ngoài	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 6 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Số thứ tự	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hằng tháng	Hằng quý	6 tháng	Hằng năm	Khác	
21	Báo cáo tình hình quản lý đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài	Bộ, cơ quan ngang Bộ có nhiệm vụ quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 7 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
22	Báo cáo tình hình hỗ trợ của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đối với hoạt động đầu tư của Việt Nam tại địa bàn quản lý	Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao (để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư)				X		Điểm b khoản 8 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
23	Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư	Nhà đầu tư	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư		X		X		Điểm b khoản 3 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020

Số thứ tự	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hằng tháng	Hằng quý	6 tháng	Hằng năm	Khác	
24	Báo cáo tiến độ thực hiện đối với dự án đang trong quá trình đầu tư; về hiệu quả đầu tư đối với dự án đang hoạt động	Nhà đầu tư (đối với dự án đầu tư ra nước ngoài có sử dụng vốn nhà nước)	Cơ quan đại diện chủ sở hữu			X	X		- Điểm d khoản 3 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 3 Điều 29 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014
25	Báo cáo việc thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia; chương trình xúc tiến đầu tư của ngành, địa phương	Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		Khoản 1 Điều 103 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
II Triển khai và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa									
26	Báo cáo tình hình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Các bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		Điểm c khoản 5 Điều 28, khoản 7 Điều 29 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa